

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày: 20/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Vũ Đức Bính và bà Trần Thị Lệ Dung.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K - Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa**: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/HSST ngày 11 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 06/3/2020 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Trần Trung S**, sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 3, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị M; có vợ là Đinh Thị N (đã ly hôn) và 01 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Lịch sử bản thân: Quyết định số 242 ngày 13/02/2009 Chủ tịch UBND huyện K đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/11/2019, chuyển tạm giam ngày 29/11/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thu Hà, trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình (có mặt).

* Người bị hại: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997; Trú tại xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn K, sinh năm 1978; Trú tại xóm 3, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V và bà Trần Thị K1(đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 10 giờ ngày 28/11/2019 Trần Trung S đi xe mô tô đến chợ K để mua rau, tại đây thấy chị Nguyễn Thị L dựng xe bên đường cũng đang mải mua rau, bên trong hộp đựng đồ bên trái ở đầu xe chị L để chiếc điện thoại Iphone, thấy chị L mải mua hàng nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của chị L. Bị cáo xuống xe dắt bộ đến chỗ xe chị L, lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần sau đó nổ máy xe đi theo đường nam sông Ân để đi ra đường vành đai, khi đi qua cổng công ty G bị cáo dừng lại kiểm tra điện thoại, mở ốp điện thoại ra thì thấy có 50.000đ, bị cáo đã đồ xăng hết 30.000đ, còn 20.000đ bị cáo tiêu sài hết. Sau khi bị mất điện thoại, chị L có đơn trình báo với cơ quan công an, qua điều tra, trích xuất camera ghi hình gần nơi xảy ra sự việc, xác nhận đó là Trần Trung S, cơ quan điều tra triệu tập S lên làm việc, tại đây S đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình và tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Iphone 6S màu xám và 01 ốp cao su điện thoại màu vàng đen...

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/HĐ-ĐG ngày 28/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám loại 16GB có giá trị còn lại là 3.573.200đ ; 01 ốp cao su điện thoại Iphone có giá trị còn lại là 25.000đ. Tổng cộng ; là 3.598.200đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp của chị L là 3.648.200đ.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-KS ngày 10/02/2020 VKSND huyện K đã truy tố bị cáo Trần Trung S về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Trần Trung S phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Trung S từ 6 - 9 tháng tù.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ và biện pháp tư pháp.

Người bào chữa cho bị cáo qua bài bào chữa cũng nhất trí với nội dung phân tích về các tình tiết của vụ án và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo như trình bày luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo hết sức khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, bố mẹ bị cáo có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng Huân, huy chương; bị cáo đang phải nuôi con nhỏ, bản thân lại bị ốm đau, bệnh tật đang phải điều trị HIV để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Trung S hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Nội dung bị cáo khai, sáng ngày 28/11/2019 bị cáo mượn xe của anh K là anh họ của bị cáo để đi uống thuốc ARV ở Trung tâm y tế huyện K, sau khi uống thuốc xong trên đường về, bị cáo vào chợ K để mua rau, phát hiện thấy một người phụ nữ khoảng 20 tuổi đang mua rau ở gần đây, xe máy ga của người này dựng ở lề đường có để một chiếc điện thoại ở cốp phụ gần đầu xe, người này vào quán mua rau, đứng cách xe máy khoảng 1m. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên nên dắt xe máy đi ngang qua xe của chị phụ nữ rồi lấy trộm chiếc điện thoại bỏ vào túi quần, sau đó

điều khiển xe đi dọc theo đường nam sông Ân, đến gần cầu Đ thì rẽ phải ra đường vành đai. Khi đi qua cổng công ty G bị cáo dùng xe kiểm tra điện thoại thì mới biết đó là điện thoại Iphone màu xám; mở ốp nhựa thì thấy bên trong có tờ 50.000đ, bị cáo dùng mua xăng hết 30.000đ, còn 20.000đ bị cáo tiêu sài hết. Khi bị công an huyện K triệu tập bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan công an.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo, sơ đồ hiện trường, biên bản trích xuất dữ liệu camera, biên bản xem xét, ghi nhận hình ảnh qua video clip, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cũng như kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Sơn về giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp...

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, với hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 3.648.200đ, bị cáo Trần Trung S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ nhằm phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi bị phát hiện bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ; Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại ; Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và là con của người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm i , s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo tuy không lớn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo là người sử dụng ma túy, hiện đang phải điều trị HIV, gia đình không quản lý được, vì vậy HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

[4] Về trách nhiệm dân sự: chị L (người bị hại) đã được nhận lại tài sản là chiếc điện thoại mà bị cáo trộm cắp, riêng số tiền 50.000đ để trong ốp điện thoại bị cáo đã tiêu sài hết có giá trị không đáng kể nên chị L không yêu cầu bồi thường, đến nay chị L không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường đối với bị cáo do vậy trách nhiệm dân sự của bị cáo không cần xem xét đến nữa.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án bao gồm trả lại cho anh anh Trần Văn K chiếc xe mô tô BKS 35N2 – 6411 là xe anh K cho bị cáo mượn nhưng không biết bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản và trả lại cho chị L 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu xám và 01 ốp cao su màu vàng đen là điện thoại bị cáo đã trộm cắp của chị L. Hiện nay cơ quan điều tra còn chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện K 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 áo kaki dài tay màu xanh xám, 01 quần kaki màu xanh xám, 01 đôi giày màu nâu, đây là trang phục sinh hoạt cá nhân của bị cáo không liên quan đến tội phạm vì vậy cần trả lại cho bị cáo. Riêng số tiền

50.000đ để trong ộp điện thoại bị cáo đã tiêu sài hết, chị L không yêu cầu bồi thường, nhưng đây là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có vì vậy cần tịch thu từ bị cáo để sung quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo vì vậy được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Trung S phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i,s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Trung S 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 28/11/2019.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu từ bị cáo số tiền 50.000đ thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước;

- Trả lại cho bị cáo 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 áo kaki dài tay màu xanh xám, 01 quần kaki màu xanh xám, 01 đôi giày màu nâu (chỉ tiết vật chứng như biên bản giao nhận giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 11/02/2019).

+ Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Trung S.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã Q;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh